

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	9 - 34



# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Số 446 Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301838116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21/10/1999, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 12 ngày 03/07/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 03/07/2020 là: 72.276.620.000 VND (Bằng chữ: Bảy mươi hai tỷ, hai trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sàn HNX với mã PMS.

Trụ sở chính của Công ty: Số 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Đinh Viết Hoàng	Chủ tịch
Ông Đoàn Đắc Học	Thành viên
Ông Hồ Trí Lượng	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Kiên	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Hải	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Huê	Trưởng ban
Ông Lê Đức Lợi	Thành viên
Ông Võ Thanh Tùng	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Đoàn Đắc Học	Giám đốc
Ông Hồ Trí Lượng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Hải	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Kiêm	Phó Giám đốc

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Số 446 Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Đoàn Đắc Học**

**Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2024

Số: 297/2024/BCSX-CPA VIETNAM-NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu, được lập ngày 21 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán độc lập khác với Báo cáo soát xét ngày 08/8/2023 đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.



---

**Nguyễn Thị Mai Hoa**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

*Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc*

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

*Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2024*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>83.994.490.157</b>	<b>146.182.636.546</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>22.109.608.904</b>	<b>24.720.332.962</b>
1. Tiền	111		22.109.608.904	24.720.332.962
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>40.105.810.593</b>	<b>105.532.908.202</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	22.304.776.410	98.103.573.754
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	11.969.205.755	1.531.441.363
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	5.831.828.428	5.897.893.085
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>17.569.765.084</b>	<b>15.592.630.435</b>
1. Hàng tồn kho	141		17.569.765.084	15.592.630.435
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.209.305.576</b>	<b>336.764.947</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	3.223.163.365	168.223.153
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		986.142.211	7.396.549
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	-	161.145.245
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+250+260)	<b>200</b>		<b>117.359.228.683</b>	<b>121.197.172.739</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>465.000.000</b>	<b>465.000.000</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	465.000.000	465.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>16.549.500.012</b>	<b>20.277.525.222</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	15.313.763.480	19.018.526.816
- Nguyên giá	222		98.724.921.926	98.724.921.926
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(83.411.158.446)	(79.706.395.110)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.235.736.532	1.258.998.406
- Nguyên giá	228		2.080.950.110	2.080.950.110
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(845.213.578)	(821.951.704)
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.9</b>	<b>100.037.210.441</b>	<b>100.037.210.441</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		89.000.000.000	89.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		11.037.210.441	11.037.210.441
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		355.000.000	355.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(355.000.000)	(355.000.000)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>307.518.230</b>	<b>417.437.076</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	307.518.230	417.437.076
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>201.353.718.840</b>	<b>267.379.809.285</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>63.296.864.139</b>	<b>129.340.521.874</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>60.695.886.139</b>	<b>126.259.521.874</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	20.718.859.354	69.638.000.637
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	9.032.902.164	4.340.699.362
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	2.251.658.209	1.274.696.592
4. Phải trả người lao động	314		278.884.966	3.415.165.640
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	233.491.813	8.288.761.923
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	27.187.467.065	14.412.467.348
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	-	24.500.000.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		992.622.568	389.730.372
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.600.978.000</b>	<b>3.081.000.000</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	1.150.978.000	1.631.000.000
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.16	1.450.000.000	1.450.000.000
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>138.056.854.701</b>	<b>138.039.287.411</b>
<b>(400 = 410)</b>				
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>138.056.854.701</b>	<b>138.039.287.411</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		72.276.620.000	72.276.620.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		72.276.620.000	72.276.620.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		25.425.165.374	25.425.165.374
4. Cổ phiếu quỹ	415		(343.472.600)	(343.472.600)
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		40.673.334.997	40.673.334.997
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.206.930	7.639.640
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	(19.916.436.167)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		25.206.930	19.924.075.807
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>201.353.718.840</b>	<b>267.379.809.285</b>
<b>(440 = 300+400)</b>				

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Hồng Hạnh

Trần Văn Phúc

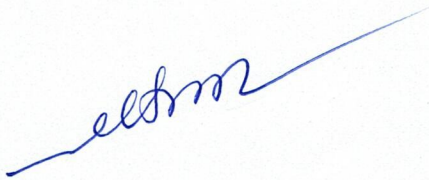
Đoàn Đặc Học



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

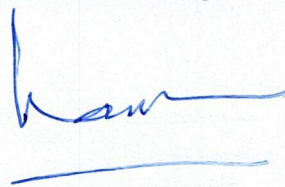
CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc	kết thúc
			ngày 30/06/2024	ngày 30/06/2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	407.926.484.177	373.970.955.914
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		407.926.484.177	373.970.955.914
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	395.544.682.880	366.917.489.950
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>12.381.801.297</b>	<b>7.053.465.964</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	27.504.554.071	20.004.859.913
7. Chi phí tài chính	22	6.4	522.753.904	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		522.181.038	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	6.206.501.656	3.593.536.242
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	4.935.239.739	6.511.354.876
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	<b>30</b>		<b>28.221.860.069</b>	<b>16.953.434.759</b>
11. Thu nhập khác	31	6.6	270.001	-
12. Chi phí khác	32	6.6	3	-
13. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>6.6</b>	<b>269.998</b>	<b>-</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>28.222.130.067</b>	<b>16.953.434.759</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	251.026.185	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>27.971.103.882</b>	<b>16.953.434.759</b>

Người lập



**Đỗ Thị Hồng Hạnh**

Kế toán trưởng



**Trần Văn Phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2024

Giám đốc



**Đoàn Đắc Học**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/06/2024	ngày 30/06/2023
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		28.222.130.067	16.953.434.759
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		3.728.025.210	3.825.265.536
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có nguồn gốc tiền tệ	04		(5.679.105)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(27.387.304.751)	(19.940.215.041)
- Chi phí lãi vay	06		522.181.038	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.079.352.459	838.485.254
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		64.609.497.192	1.631.067.209
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.977.134.649)	(2.163.049.366)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(52.306.125.278)	(1.089.644.269)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.945.021.366)	(956.179.829)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(522.181.038)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(344.388.278)	(292.555.259)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.206.933.000)	(1.415.002.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.387.066.042	(3.446.878.260)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(44.272.727)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24.150.766.676	24.105.215.041
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		24.150.766.676	24.060.942.314
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		23.958.320.500	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(48.458.320.500)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.654.642.077)	(9.984.560.862)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(36.154.642.077)	(9.984.560.862)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(2.616.809.359)	10.629.503.192
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	24.720.332.962	17.408.862.804
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		6.085.301	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	22.109.608.904	28.038.365.996

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng



*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

Đỗ Thị Hồng Hạnh

Trần Văn Phúc

Đoàn Đắc Học

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301838116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21/10/1999, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 12 ngày 03/07/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 03/07/2020 là: 72.276.620.000 VND (*Bằng chữ: Bảy mươi hai tỷ, hai trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HNX với mã PMS.

Trụ sở chính của Công ty: Số 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 30/6/2024 là 79 người (Số lao động tại ngày 01/01/2024 là 74 người).

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

- Sản xuất, kinh doanh cơ khí bao bì. Đóng mới sửa chữa bồn bể;
- Bán buôn dụng cụ, thiết bị phòng cháy chữa cháy; thiết bị cứu hộ, cứu sinh. Kinh doanh vật tư, thiết bị xăng dầu. Kinh doanh cơ khí bao bì. Bán buôn dụng cụ, thiết bị phòng cháy chữa cháy; thiết bị cứu hộ, cứu sinh;
- Cài tạo xe chuyên dùng. Sửa chữa xe bồn các loại. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường bộ. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Đóng mới, sửa chữa tàu, xà lan và các sản phẩm cơ khí khác;
- Thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải;
- Mua bán xăng dầu. Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Thi công lắp đặt hệ thống đường ống áp lực, hệ thống phòng cháy, chữa cháy;
- Đầu tư xây dựng, cho thuê hạ tầng cơ sở khu công nghiệp, trung tâm thương mại;

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Kinh doanh xăng dầu và thi công lắp đặt nhận diện thương hiệu.

**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

### 1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2024, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
<b>Công ty con</b>					
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng Dầu Đồng Nai	Lô 108-109-110, KCN Dệt May Nhơn Trạch, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất, kinh doanh cơ khí bao bì. Đóng mới sửa chữa bồn bể...	100%	100%	100%
<b>Công ty liên kết</b>					
Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	Kho B, Tổng kho xăng dầu Nhà Bè, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh các loại vật tư, thiết bị công nghiệp ngành gas, xăng, dầu, ...	49%	49%	49%

Tại ngày 30/6/2024, Công ty có các đơn vị trực thuộc hoạt động kinh doanh xăng dầu như sau:

Đơn vị	Địa chỉ
<b>Hạch toán độc lập</b>	
Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Tân Bình – Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng Dầu	Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương
<b>Hạch toán phụ thuộc</b>	
Cửa hàng xăng dầu 982	982 Trường Sơn, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### 1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

## 2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt niên độ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính****Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công liên kết và đầu tư khác**

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát mà được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào Công ty liên kết: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

##### *Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư*

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá trị hàng tồn kho được tính đối với hàng hóa xe bồn theo phương pháp thực tế đích danh, đối với hàng hóa xăng dầu và các loại vật tư khác theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

#### Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### **Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm tin học được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

Quyền sử dụng đất là Lô đất có diện tích 3.000,5 m<sup>2</sup> tại phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương có thời hạn sử dụng đến 05/10/2055.

#### **Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

##### *Công ty là bên nhận góp vốn*

Các khoản vốn bằng tiền và tài sản nhận góp vốn theo hợp đồng BCC được ghi nhận như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính năm.

Ghi nhận doanh thu, chi phí theo BCC: Ghi nhận doanh thu nhiều kỳ đến khi hết thời hạn hợp tác kinh doanh theo quy định tại hợp đồng.

#### **Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng thời gian không quá 36 tháng.

#### **Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, người mua trả tiền trước và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí khác: trích trước chi phí ăn ca, tiền điện, chi phí vận chuyển theo thực tế phát sinh.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là Khoản chi phí bảo hành thi công nhận diện thương hiệu.

#### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán riêng là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi Đại hội đồng cổ đông quyết định và theo Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và được Đại hội cổ đông phê duyệt.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hợp đồng xây dựng.

##### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	91.702.287	50.111.954
Tiền gửi ngân hàng	22.017.906.617	24.670.221.008
<b>Tổng</b>	<b>22.109.608.904</b>	<b>24.720.332.962</b>

**5.2 Phải thu khách hàng**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>22.304.776.410</b>	<b>98.103.573.754</b>
Công ty TNHH một thành viên xăng dầu Tây Nam Bộ	594.000.000	13.664.420.140
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	3.225.000.000	3.986.046.000
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	1.391.864.324	9.571.052.258
Chi nhánh Xăng dầu Đắk Nông - Công ty TNHH MTV	-	170.000.000
Công Ty Xăng Dầu Khu vực II - TNHH MTV	-	9.568.918.578
Công ty TNHH MTV Tiến Ngọc Chương	2.501.104.265	1.475.909.510
Công Ty TNHH MTV Xăng dầu Quảng Ngãi	5.576.496.415	4.261.640.429
Phải thu khách hàng khác	9.016.311.406	55.405.586.839
<b>Tổng</b>	<b>22.304.776.410</b>	<b>98.103.573.754</b>

*Trong đó:*

**Phải thu khách hàng là bên liên quan**  
(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)

**11.044.295.263**      **77.766.727.607**

**5.3 Trả trước người bán**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>11.969.205.755</b>	<b>1.531.441.363</b>
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật MEGA	8.104.260.490	-
CN Công ty CP Hóa dầu Quân đội (TP Hà Nội)	-	919.000.000
Công ty TNHH TM DV Quảng cáo An Khang ADS	-	381.214.358
OPW MALAYSIA SDN BHD	2.473.567.845	-
Trả trước người bán khác	1.391.377.420	231.227.005
<b>Tổng</b>	<b>11.969.205.755</b>	<b>1.531.441.363</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.4 Phải thu khác***Đơn vị tính: VND*

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.831.828.428</b>	-	<b>5.897.893.085</b>	-
Phải thu các cửa hàng xăng dầu giao khoán	827.422.010	-	-	-
Tạm ứng	365.753.450	-	210.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	967.543.805	-	4.646.727.360	-
Phải thu về thuế TNCN	507.797.245	-	202.990.474	-
Phải thu các đội thi công	1.725.840.265	-	-	-
Phải thu khác	1.437.471.653	-	838.175.251	-
<b>Dài hạn</b>	<b>465.000.000</b>	-	<b>465.000.000</b>	-
Ký cược, ký quỹ	465.000.000	-	465.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>6.296.828.428</b>	-	<b>6.362.893.085</b>	-

**5.5 Hàng tồn kho***Đơn vị tính: VND*

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.644.048.926	-	2.239.754.454	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.451.632.001	-	10.130.376.927	-
Hàng hóa	3.474.084.157	-	3.222.499.054	-
<b>Tổng</b>	<b>17.569.765.084</b>	-	<b>15.592.630.435</b>	-

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/06/2024 là 0 VND (tại ngày 01/01/2024 là 5.462.253.508 VND).

**5.6 Chi phí trả trước**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.223.163.365</b>	<b>168.223.153</b>
Chi phí tiền thuê đất (*)	1.611.830.448	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	775.900.000	-
Chi phí sửa chữa cửa hàng	778.685.014	52.976.542
Chi phí bảo hiểm	14.372.257	43.116.773
Chi phí trả trước khác	42.375.646	72.129.838
<b>Dài hạn</b>	<b>307.518.230</b>	<b>417.437.076</b>
Chi phí trả trước dài hạn khác	307.518.230	417.437.076
<b>Tổng</b>	<b>3.530.681.595</b>	<b>585.660.229</b>

(\*) Chi phí tiền thuê đất kỳ 2 năm 2024 tại lô đất số 446 Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình***Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2024	14.228.509.230	73.307.660.513	11.017.591.729	171.160.454	98.724.921.926
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2024	14.228.509.230	73.307.660.513	11.017.591.729	171.160.454	98.724.921.926
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2024	10.527.670.785	60.872.878.352	8.170.657.105	135.188.868	79.706.395.110
Tăng trong kỳ	455.548.440	2.898.084.726	345.596.076	5.534.094	3.704.763.336
Khấu hao trong kỳ	455.548.440	2.898.084.726	345.596.076	5.534.094	3.704.763.336
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2024	10.983.219.225	63.770.963.078	8.516.253.181	140.722.962	83.411.158.446
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2024	3.700.838.445	12.434.782.161	2.846.934.624	35.971.586	19.018.526.816
Tại 30/06/2024	3.245.290.005	9.536.697.435	2.501.338.548	30.437.492	15.313.763.480

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 30/06/2024 là 59.394.283.473 VND (tại thời điểm ngày 01/01/2024 là 34.081.238.286 VND).

Nguyên giá tài sản và Giá trị còn lại là nhà xưởng, máy móc, thiết bị đang cho Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai (Công ty con của Công ty) thuê để phục vụ sản xuất kinh doanh tại thời điểm ngày 30/06/2024 lần lượt là 80.139.112.862 VND và 9.785.521.804 VND (tại thời điểm ngày 01/01/2024 lần lượt là 80.139.112.862 VND và 12.742.796.792 VND).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình***Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm tin học	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2024	1.860.950.110	220.000.000	2.080.950.110
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/06/2024	<u>1.860.950.110</u>	<u>220.000.000</u>	<u>2.080.950.110</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2024	601.951.704	220.000.000	821.951.704
Tăng trong kỳ	23.261.874	-	23.261.874
Khấu hao trong kỳ	23.261.874	-	23.261.874
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/06/2024	<u>625.213.578</u>	<u>220.000.000</u>	<u>845.213.578</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2024	<u>1.258.998.406</u>	-	<u>1.258.998.406</u>
Tại 30/06/2024	<u>1.235.736.532</u>	-	<u>1.235.736.532</u>

(\*) Quyền sử dụng đất là Lô đất có diện tích 3.000,5 m2 tại phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương có thời hạn sử dụng đến 05/10/2055.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 220.000.000 VND (tại thời điểm ngày 01/01/2024 là 220.000.000 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU**Số 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh,  
Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.9 Đầu tư tài chính dài hạn***Đơn vị tính: VND*

	Tỷ lệ		30/06/2024			01/01/2024		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>			<b>89.000.000.000</b>		-	<b>89.000.000.000</b>		-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	100,00%	100,00%	89.000.000.000		-	89.000.000.000		-
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>			<b>11.037.210.441</b>		-	<b>11.037.210.441</b>		-
Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	49,00%	49,00%	11.037.210.441		-	11.037.210.441		-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>			<b>355.000.000</b>		<b>(355.000.000)</b>	<b>355.000.000</b>		<b>(355.000.000)</b>
Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi (5000 Cổ phiếu)			355.000.000		(355.000.000)	355.000.000		(355.000.000)
<b>Tổng</b>			<b>100.392.210.441</b>	<b>(*)</b>	<b>(355.000.000)</b>	<b>100.392.210.441</b>	<b>(*)</b>	<b>(355.000.000)</b>

(\*) Tại ngày lập báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.10 Phải trả người bán ngắn hạn***Đơn vị tính: VND*

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>20.718.859.354</b>	<b>20.718.859.354</b>	<b>69.638.000.637</b>	<b>69.638.000.637</b>
Công ty TNHH TM DV Cơ khí Xây dựng Nam Phương	510.010.218	510.010.218	3.348.538.389	3.348.538.389
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất Quảng Cáo Phương Nam	1.831.278.914	1.831.278.914	18.764.817.914	18.764.817.914
Công ty Cổ Phần Top American Việt Nam	-	-	20.031.267.080	20.031.267.080
Công ty Xăng dầu khu vực II - TNHH MTV	16.182.180.459	16.182.180.459	15.014.926.759	15.014.926.759
Phải trả người bán khác	2.195.389.763	2.195.389.763	12.478.450.495	12.478.450.495
<b>Tổng</b>	<b>20.718.859.354</b>	<b>20.718.859.354</b>	<b>69.638.000.637</b>	<b>69.638.000.637</b>

*Trong đó:***Phải trả người bán là các bên liên quan**

<b>16.182.180.459</b>	<b>16.182.180.459</b>	<b>15.014.926.759</b>	<b>15.014.926.759</b>
-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------

*(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)***5.11 Người mua trả trước**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>9.032.902.164</b>	<b>4.340.699.362</b>
Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	-	3.387.522.000
Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại Minh Trung	48.281.000	48.281.000
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Nam Tây Nguyên	-	34.000.000
Tập Đoàn Xăng dầu Việt Nam	4.502.000.000	-
Công ty Xăng dầu Sông Bé - TNHH Một Thành Viên	3.617.677.556	-
Người mua trả tiền trước khác	864.943.608	870.896.362
<b>Tổng</b>	<b>9.032.902.164</b>	<b>4.340.699.362</b>

*Trong đó:***Người mua trả trước là bên liên quan**

<b>8.469.893.296</b>	<b>3.453.022.000</b>
----------------------	----------------------

*(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.12 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2024
<b>Phải nộp</b>	<b>1.274.696.592</b>	<b>5.371.652.759</b>	<b>4.394.691.142</b>	<b>2.251.658.209</b>
Thuế giá trị gia tăng	1.086.144.257	1.077.660.025	2.163.804.282	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	188.552.335	251.026.185	344.388.278	95.190.242
+ Thuế TNDN năm hiện hành	188.552.335	192.984.185	286.346.278	95.190.242
+ Thuế TNDN bổ sung các năm trước	-	58.042.000	58.042.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	813.005.110	265.343.591	547.661.519
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.223.660.896	1.614.854.448	1.608.806.448
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.300.543	6.300.543	-
<b>Phải thu</b>	<b>161.145.245</b>	<b>161.145.245</b>	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	161.145.245	161.145.245	-	-

**5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Trích trước giá vốn các công trình xây dựng, thi công	-	7.883.650.512
Chi phí trích trước khác	233.491.813	405.111.411
<b>Tổng</b>	<b>233.491.813</b>	<b>8.288.761.923</b>

**5.14 Phải trả khác**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>27.187.467.065</b>	<b>14.412.467.348</b>
Kinh phí công đoàn	56.895.749	53.519.508
Phải trả tiền cổ tức	19.269.002.449	6.797.708.326
Phải trả các đội thi công	4.909.803.452	2.375.979.368
Phải trả Công ty CP Công trình Giao thông 610 lợi nhuận hợp tác kinh doanh	510.000.000	780.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.441.765.415	4.405.260.146
<b>Dài hạn</b>	<b>1.150.978.000</b>	<b>1.631.000.000</b>
Ký quỹ, ký cược	1.150.978.000	1.631.000.000
<b>Tổng</b>	<b>28.338.445.065</b>	<b>16.043.467.348</b>

*Trong đó:*

**Phải trả khác là bên liên quan**

*(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)*

564.500.392

-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính**

*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2024		Phát sinh trong kỳ		01/01/2024	
	Số có khả		Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả
Giá trị	năng trả nợ	Giá trị				
<b>Vay ngắn hạn</b>	-	-	23.958.320.500	48.458.320.500	24.500.000.000	24.500.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 - TP.Hồ Chí Minh	-	-	23.958.320.500	48.458.320.500	24.500.000.000	24.500.000.000
Hợp đồng số 0103/2023- HĐCVHM/NHCT924-PMS	-	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
Hợp đồng số 1203/2023- HĐCVHM/NHCT924-PMS	-	-	23.958.320.500	39.458.320.500	15.500.000.000	15.500.000.000
<b>Tổng</b>	-	-	23.958.320.500	48.458.320.500	24.500.000.000	24.500.000.000

**5.16 Dự phòng phải trả dài hạn**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dự phòng bảo hành thi công nhận diện thương hiệu dài hạn	1.450.000.000	1.450.000.000
<b>Tổng</b>	<b>1.450.000.000</b>	<b>1.450.000.000</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.17 Vốn chủ sở hữu****a. Biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2023</b>	<b>72.276.620.000</b>	<b>25.425.165.374</b>	<b>(343.472.600)</b>	<b>40.673.334.997</b>	<b>2.288.064.640</b>	<b>140.319.712.411</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	21.659.729.141	21.659.729.141
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022	-	-	-	-	(2.085.505.807)	(2.085.505.807)
Chia trả cổ tức	-	-	-	-	(19.804.873.000)	(19.804.873.000)
Trích bổ sung thù lao HĐQT, BKS từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	-	(314.122.000)	(314.122.000)
Tạm trích thù lao HĐQT, BKS từ lợi nhuận năm 2023 (*)	-	-	-	-	(165.000.000)	(165.000.000)
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh năm 2023 (*)	-	-	-	-	(1.570.000.000)	(1.570.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(653.334)	(653.334)
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>72.276.620.000</b>	<b>25.425.165.374</b>	<b>(343.472.600)</b>	<b>40.673.334.997</b>	<b>7.639.640</b>	<b>138.039.287.411</b>
<b>Số dư tại 01/01/2024</b>	<b>72.276.620.000</b>	<b>25.425.165.374</b>	<b>(343.472.600)</b>	<b>40.673.334.997</b>	<b>7.639.640</b>	<b>138.039.287.411</b>
Lãi trong kỳ nay	-	-	-	-	27.971.103.882	27.971.103.882
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 (*)	-	-	-	-	(2.522.800.392)	(2.522.800.392)
Chia trả cổ tức (*)	-	-	-	-	(24.125.936.200)	(24.125.936.200)
Trích bổ sung thù lao HĐQT, BKS từ lợi nhuận năm 2023 (*)	-	-	-	-	(325.800.000)	(325.800.000)
Tạm trích thù lao HĐQT, BKS từ lợi nhuận năm 2024 (***)	-	-	-	-	(73.500.000)	(73.500.000)
Chi khen thưởng HĐQT, BKS, BDH và Cán bộ quản lý (*)	-	-	-	-	(395.500.000)	(395.500.000)
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh năm 2024 (**)	-	-	-	-	(510.000.000)	(510.000.000)
<b>Số dư tại 30/06/2024</b>	<b>72.276.620.000</b>	<b>25.425.165.374</b>	<b>(343.472.600)</b>	<b>40.673.334.997</b>	<b>25.206.930</b>	<b>138.056.854.701</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2024 số 34/PMS-NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/03/2024 đã thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2023, theo đó thông qua việc chi trả cổ tức số tiền 24.125.936.200 VND; trích quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 2.522.800.392 VND; trích thù lao HĐQT, BKS năm 2023 số tiền 490.800.000 VND; Chi thưởng HĐQT, BKS, BĐH và Cán bộ quản lý số tiền 806.000.000 VND và chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh năm 2023 số tiền 1.570.000.000 VND.

**(\*\*) Chia hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Trong kỳ, Công ty tạm chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh năm 2024 theo giá trị hợp đồng góp vốn (liên kết kinh doanh) số tiền 510.000.000 VND. Cụ thể:

TT	Đối tượng	Số tiền (VND)
1	Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh Xăng Dầu Kim Hương	120.000.000
2	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 610	390.000.000
	<b>Tổng</b>	<b>510.000.000</b>

Chi tiết theo các hợp đồng sau:

**1. Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh Xăng Dầu Kim Hương**

Theo hợp đồng góp vốn với Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh Xăng Dầu Kim Hương ngày 04/08/2010, phụ lục hợp đồng ngày 19/02/2020 về việc hợp tác kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu tại địa chỉ ấp 1A, xã Long Xuyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

i. Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh Xăng Dầu Kim Hương góp vốn bằng khu đất có diện tích 460,3 m<sup>2</sup> tại xã Long Xuyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Công ty góp vốn bằng tiền để đầu tư trang thiết bị, xăng dầu phục vụ kinh doanh bán lẻ. Công ty sẽ chịu trách nhiệm quản lý và hạch toán sổ sách kế toán.

ii. Thời hạn thực hiện hợp đồng: từ ngày 01/06/2020 đến ngày 31/05/2025. Hết thời hạn hợp tác, Công ty sẽ bàn giao lại tài sản là khu đất cho bên góp vốn.

iii. Phân chia lợi nhuận sau thuế: Lợi nhuận chia cho Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh Xăng Dầu Kim Hương là 20.000.000 VND/tháng từ tháng 06/2020 và được chi trả hàng tháng.

iv. Lợi nhuận sau thuế đã chia cho Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh Xăng Dầu Kim Hương trong kỳ là: 120.000.000 VND.

**2. Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 610**

Theo hợp đồng liên kết kinh doanh số 04/2013/HĐLKGD ngày 26/01/2013; hợp đồng liên kết kinh doanh số 23/2021/HĐLKGD ngày 31/12/2020 với các điều khoản chi tiết sau:

i. Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 610 góp vốn bằng khu đất có diện tích 316 m<sup>2</sup> tại địa chỉ số 982, quốc lộ 1A, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh dùng để xây dựng văn phòng, lắp đặt, kinh doanh trạm xăng. Công ty góp vốn 1 tỷ đồng để đầu tư trang thiết bị, xăng dầu phục vụ kinh doanh bán lẻ.

ii. Thời hạn thực hiện hợp đồng đến ngày 31/12/2025. Hết thời hạn hợp tác, Công ty sẽ bàn giao lại tài sản là khu đất cho bên góp vốn.

iii. Phân chia lợi nhuận sau thuế: Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 610 khoán mức lợi nhuận sau thuế cho Công ty. Theo đó: mỗi tháng Công ty phải trả cho Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 610 số tiền lợi nhuận sau thuế là 65.000.000 VND từ thời điểm 01/01/2022.

iv. Lợi nhuận sau thuế đã chia cho Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 610 trong kỳ là: 390.000.000 VND.

(\*\*\*) Các khoản tạm trích thù lao HĐQT, BKS từ lợi nhuận năm 2024 được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2024 số 34/PMS-NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/03/2024.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	33.248.770.000	33.248.770.000
Bà Trần Thị Hiền	8.155.600.000	8.155.600.000
Vốn góp của các cổ đông khác	30.613.350.000	30.613.350.000
Cổ phiếu quỹ	258.900.000	258.900.000
<b>Tổng</b>	<b>72.276.620.000</b>	<b>72.276.620.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu kỳ	72.276.620.000	72.276.620.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	72.276.620.000	72.276.620.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	<b>24.125.936.200</b>	<b>19.804.873.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	30/06/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>7.227.662</b>	<b>7.227.662</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>7.227.662</b>	<b>7.227.662</b>
Cổ phiếu phổ thông	7.227.662	7.227.662
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>25.890</b>	<b>25.890</b>
Cổ phiếu phổ thông	25.890	25.890
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>7.201.772</b>	<b>7.201.772</b>
Cổ phiếu phổ thông	7.201.772	7.201.772
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.18 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ**

**a. Nợ khó đòi đã xử lý**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	3.100.110.177	3.100.110.177

**b. Ngoại tệ**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	5.189,47	131.007.766	5.189,47	124.922.466
<b>Tổng</b>	<b>5.189,47</b>	<b>131.007.766</b>	<b>5.189,47</b>	<b>124.922.466</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa	384.276.696.536	367.023.353.654
Doanh thu thi công nhận dạng thương hiệu	17.699.787.641	1.784.420.444
Doanh thu cho thuê tài sản	5.950.000.000	5.163.181.816
<b>Tổng</b>	<b>407.926.484.177</b>	<b>373.970.955.914</b>

*Trong đó:*

*Doanh thu với các bên liên quan  
(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)*

<i>22.015.743.381</i>	<i>7.018.042.778</i>
-----------------------	----------------------

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	376.105.785.586	361.520.564.442
Giá vốn thi công nhận dạng thương hiệu	16.481.622.306	1.637.455.357
Giá vốn cho thuê tài sản	2.957.274.988	3.759.470.151
<b>Tổng</b>	<b>395.544.682.880</b>	<b>366.917.489.950</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Lãi tiền gửi	24.830.476	23.125.540
Lãi bán hàng trả chậm	110.997.349	64.644.872
Cổ tức, lợi nhuận được chia	27.362.474.275	19.917.089.501
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tỷ giá cuối kỳ	6.251.971	-
<b>Tổng</b>	<b>27.504.554.071</b>	<b>20.004.859.913</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu tài chính với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)</i>	<i>27.362.474.275</i>	<i>19.917.089.501</i>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Lãi tiền vay	522.181.038	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tỷ giá cuối kỳ	572.866	-
<b>Tổng</b>	<b>522.753.904</b>	<b>-</b>

**6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>6.206.501.656</b>	<b>3.593.536.242</b>
Chi phí nhân viên	2.155.558.235	1.067.456.835
Chi phí vật liệu, bao bì	7.250.000	-
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	37.716.636	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	358.895.108	364.391.319
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.761.835.211	1.267.992.955
Chi phí bằng tiền khác	885.246.466	893.695.133
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>4.935.239.739</b>	<b>6.511.354.876</b>
Chi phí nhân viên quản lý	2.569.744.803	3.785.342.842
Chi phí vật liệu quản lý	114.849.009	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	163.823.059	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	443.523.314	442.054.363
Thuế phí và lệ phí	217.154.367	21.084.178
Chi phí dịch vụ mua ngoài	371.309.126	864.866.323
Chi phí bằng tiền khác	1.054.836.061	1.398.007.170
<b>Tổng</b>	<b>11.141.741.395</b>	<b>10.104.891.118</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.6 Thu nhập khác, chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập khác	270.001	-
<b>Tổng</b>	<b>270.001</b>	-
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí khác	3	-
<b>Tổng</b>	<b>3</b>	-
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>269.998</b>	-

**6.7 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>28.222.130.067</b>	<b>16.953.434.759</b>
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	105.265.130	-
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>105.265.130</i>	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	27.362.474.275	19.917.089.501
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>27.362.474.275</i>	<i>19.917.089.501</i>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>964.920.922</b>	<b>(2.963.654.742)</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>192.984.185</b>	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung các năm trước	58.042.000	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành</b>	<b>251.026.185</b>	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.998.726.166	1.616.437.903
Chi phí nhân công	4.725.303.038	4.852.799.677
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.728.025.210	3.825.265.536
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.025.088.104	2.818.438.324
Chi phí khác bằng tiền	3.442.258.992	2.388.875.186
<b>Tổng</b>	<b>31.919.401.510</b>	<b>15.501.816.626</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Giao dịch các bên liên quan**

Danh sách bên liên quan của Công ty trong kỳ bao gồm:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ của cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Công ty con
Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	Công ty liên kết
CTCP Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Các Công ty con trực tiếp và Công ty con gián tiếp của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Người quản lý và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.1 Giao dịch các bên liên quan (Tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Người quản lý khác**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc	kết thúc
		ngày 30/06/2024	ngày 30/06/2023
		VND	VND
Lương và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Người quản lý	Lương và thù lao	2.519.669.000	1.033.115.000

Chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc	kết thúc
		ngày 30/06/2024	ngày 30/06/2023
		VND	VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>		<b>691.900.000</b>	<b>254.302.000</b>
Ông Đinh Viết Hoàng	Chủ tịch	58.600.000	-
Ông Ngô Minh Tú	Chủ tịch (Từ ngày 01/4/2023 đến ngày 01/10/2023)	93.100.000	16.500.000
Ông Phạm Ngọc Huỳnh	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 01/01/2023)	-	103.402.000
Ông Nguyễn Quang Kiên	Thành viên	150.800.000	98.400.000
Ông Đoàn Đắc Học	Thành viên (Phụ trách Hội đồng Quản trị từ ngày 01/01/2023 đến 01/04/2023 và từ ngày 01/10/2023 đến ngày 11/12/2023)	143.800.000	12.000.000
Ông Hồ Trí Lượng	Thành viên	122.800.000	12.000.000
Ông Nguyễn Duy Hải	Thành viên	122.800.000	12.000.000
<b>Ban Kiểm soát</b>		<b>407.800.000</b>	<b>258.240.000</b>
Bà Nguyễn Thị Huệ	Trưởng ban	165.800.000	98.400.000
Ông Lê Đức Lợi	Thành viên	121.000.000	79.920.000
Ông Võ Thanh Tùng	Thành viên	121.000.000	79.920.000
<b>Ban Giám đốc</b>		<b>1.182.878.000</b>	<b>431.937.000</b>
Ông Đoàn Đắc Học	Giám đốc	332.685.000	122.049.000
Ông Hồ Trí Lượng	Phó Giám đốc	285.961.000	102.526.000
Ông Nguyễn Hồng Kiên	Phó Giám đốc	280.341.000	100.456.000
Ông Nguyễn Duy Hải	Phó Giám đốc	283.891.000	106.906.000
<b>Những người quản lý khác</b>		<b>237.091.000</b>	<b>88.636.000</b>
Ông Trần Văn Phúc	Kế toán trưởng	237.091.000	88.636.000
<b>Tổng</b>		<b>2.519.669.000</b>	<b>1.033.115.000</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.1 Giao dịch các bên liên quan (Tiếp theo)**

**b. Số dư với các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất số dư</u>	<u>30/06/2024</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2024</u> <u>VND</u>
<b>Phải thu của khách hàng</b>			<b>11.044.295.263</b>	<b>77.766.727.607</b>
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Công ty con	Bán hàng hóa	3.225.000.000	3.986.046.000
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	1.391.864.324	9.571.052.258
Chi nhánh Xăng dầu Ninh Thuận - Công ty Xăng dầu Phú Khánh	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	16.356.000	2.281.722.297
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	16.236.000	16.236.000
Chi nhánh Xăng dầu Đắc Nông - Công ty TNHH MTV Xăng dầu Nam Tây Nguyên	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	170.000.000
Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	119.170.100	448.464.082
Công ty Xăng dầu KV II - TNHH MTV	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	9.568.918.578
Công ty Xăng dầu Bình Định	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	6.645.601.472
Công ty TNHH một thành viên Xăng dầu Tây Nam Bộ	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	594.000.000	13.664.420.140
Công ty Xăng dầu Sông Bé - TNHH Một Thành Viên	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	2.823.504.729
Công ty TNHH Xăng dầu Lâm Đồng	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	5.311.307.357
Công ty TNHH Một Thành Viên Xăng dầu An Giang	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	2.000.000.000
Công ty Xăng dầu Long An	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	7.928.173.394
Công ty Xăng dầu Tiền Giang	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	3.777.479.164
Công ty Xăng dầu Cà Mau	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	302.007.162
Công ty Xăng dầu Trà Vinh	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	2.020.428.310
Công ty Xăng dầu Tây Ninh	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	575.965.400
CN Xăng dầu Bình Phước - Công ty Xăng dầu Sông Bé	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	2.398.288.411
Công ty TNHH một thành viên Xăng dầu Quảng Ngãi	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	5.576.496.415	4.261.640.429
Tổng Công ty hóa dầu PETROLIMEX - CTCP	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	105.172.424	15.472.424
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>			<b>16.182.180.459</b>	<b>15.014.926.759</b>
Công ty Xăng dầu khu vực II - TNHH MTV	Cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	16.182.180.459	15.014.926.759

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.1 Giao dịch các bên liên quan (Tiếp theo)**

**b. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất số dư</u>	<u>30/06/2024</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2024</u> <u>VND</u>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>			<b>8.469.893.296</b>	<b>3.453.022.000</b>
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Nam Tây Nguyên	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	34.000.000
Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	3.387.522.000
CTCP Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex	Công ty con của cổ đông lớn	Bán hàng hóa	31.500.000	31.500.000
Tập Đoàn xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ của cổ đông lớn	Bán hàng hóa	4.502.000.000	-
Công ty Xăng dầu KV II - TNHH MTV	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	78.300.000	-
Công ty Xăng dầu Sông Bé - TNHH Một Thành Viên	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	3.617.677.556	-
Công ty Xăng dầu Cà Mau	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	240.415.740	-
<b>Phải trả khác</b>			<b>564.500.392</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Công ty con	Phải trả khác	564.500.392	-

**c. Giao dịch với các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Cho kỳ kế toán</u> <u>kết thúc</u> <u>ngày 30/06/2024</u> <u>VND</u>	<u>Cho kỳ kế toán</u> <u>kết thúc</u> <u>ngày 30/06/2023</u> <u>VND</u>
<b>Doanh thu</b>			<b>22.015.743.381</b>	<b>7.018.042.778</b>
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Công ty con	Cho thuê tài sản	5.950.000.000	4.000.000.000
		Bán hàng hóa	-	179.216.994
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	746.000.000	528.472.101
Công ty TNHH Xăng dầu Lâm Đồng	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	1.487.487.379	-
Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	46.250.000	-
Công ty Xăng dầu Sông Bé - Chi nhánh Bình Phước	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	762.953.683
Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Giang	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	391.516.427	-
Công ty Xăng dầu Long An	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	1.277.319.590	-
Công ty Xăng dầu Tây Ninh	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	3.176.538.928	-
Công ty Xăng dầu Quảng Ngãi	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	1.217.459.246	-
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ của cổ đông lớn	Bán hàng hóa	1.547.400.000	1.547.400.000
Công ty Xăng dầu KV II - TNHH MTV	Cùng Tập đoàn	Cho thuê tài sản	783.000.000	-
Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	5.218.234.774	-
Công ty Xăng dầu Tiền Giang	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	91.481.481	-
Tổng Công ty hóa dầu PETROLIMEX - CTCP	Cùng Tập đoàn	Cho thuê tài sản	83.055.556	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.1 Giao dịch các bên liên quan (Tiếp theo)**

**c. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/06/2024	ngày 30/06/2023
			VND	VND
<b>Mua hàng</b>			<b>283.749.767.000</b>	<b>355.048.941.000</b>
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Công ty con	Mua hàng hóa	1.542.000.000	1.542.000.000
Công ty Xăng dầu khu vực vực II - TNHH MTV	Cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	281.333.867.000	353.506.941.000
Tập Đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ của Cổ đông lớn	Mua hàng hóa	873.900.000	-
<b>Lợi nhuận chia</b>			<b>27.362.474.275</b>	<b>19.917.089.501</b>
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Công ty con	Lợi nhuận được chia	22.048.355.270	18.850.887.313
Công ty TNHH Cơ khí GAS P.M.G	Công ty liên kết	Lợi nhuận được chia	5.314.119.005	1.066.202.188
<b>Hoạt động kinh doanh và hoạt động khác</b>			<b>12.807.814.049</b>	<b>9.143.411.750</b>
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Công ty con	Chia quỹ khen thưởng phúc lợi	1.764.500.392	-
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	11.043.313.657	9.143.411.750

**7.2 Các cam kết**

**Cam kết liên quan đến hợp đồng thuê hoạt động mà Công ty là bên đi thuê**

Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu thuê hoạt động lô đất tại số 446 Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích là 8.030,8 m<sup>2</sup>. Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho nhà nước cho đến khi nhà nước có quy hoạch, số tiền thuê phải trả năm 2024 là 3.223.660.896 VND.

**7.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Người lập biểu



**Đỗ Thị Hồng Hạnh**

Kế toán trưởng



**Trần Văn Phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2024



**Đoàn Đắc Học**